

## Quan điểm, định hướng chính sách tài chính phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

**T**rong hơn 35 năm qua, nước ta đã đạt được những thành tựu phát triển to lớn, trong đó có sự đóng góp quan trọng của chính sách tài chính với chức năng huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực cho phát triển. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã đề ra mục tiêu tổng quát là: "...đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH); xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa". Trong bối cảnh và yêu cầu mới đặt ra đối với quá trình CNH, HĐH, chính sách tài chính với chức năng huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực cũng cần có những điều chỉnh phù hợp. Bài viết tập trung những vấn đề lý luận - thực tiễn về chính sách tài chính và đề xuất các quan điểm, định hướng hoàn thiện chính sách tài chính phục vụ CNH, HĐH trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Chính sách tài chính, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, huy động nguồn lực tài chính.

*Vietnam has experienced a remarkable development progress for over 35 years by the significant contribution of financial policies, which mobilize, allocate, and utilize resources for development. The 13th National Party Congress Resolution has set out the overall goal of: "...comprehensively and synchronously promoting reform, industrialization and modernization; firmly building and defending the nation; maintaining a peaceful and stable environment. Vietnam aims to become a socialist-oriented developed nation by the middle of the twenty-first century". Financial policies that mobilize, allocate, and utilize resources need to be appropriately adjusted to the new context and requirements for the industrialization and modernization processes. The article focuses on theoretical and practical issues on financial policies and proposes viewpoints and orientations to improve financial policies for industrialization and modernization in the coming time.*

**Keywords:** Financial policies, industrialization, modernization, mobilizing financial resources.

Ngày nhận bài: 02/01/2023

Ngày nhận phản biện, đánh giá và sửa chữa: 17/01/2023

Ngày duyệt đăng: 17/01/2023

## 1. Những vấn đề lý luận - thực tiễn về chính sách tài chính phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Chính sách tài chính là một công cụ điều tiết vĩ mô của Chính phủ, định hướng và điều tiết sự phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước trong từng giai đoạn. Về lý thuyết, chính sách tài chính có thể chia thành 2 nhóm: Nhóm chính sách tài chính định hướng phát triển, hướng dẫn các hoạt động kinh tế - xã hội để đạt được mục tiêu đề ra như: Chính sách tài chính phát triển các ngành kinh tế (chính sách tài chính phát triển ngành công nghiệp mũi nhọn, phát triển công nghiệp hỗ trợ, phát triển nông nghiệp nông thôn,...); chính sách tài chính cho khoa học công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, chính sách tài chính đối với đất đai, chính sách đầu tư...; nhóm chính sách tài chính điều tiết vĩ mô thực hiện thông qua các công cụ chủ yếu của chính sách tài khóa như thuế, chi tiêu của Chính phủ...; chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước; chính sách thu đối với đất đai; chính sách giá...

Từ khi thực hiện công cuộc đổi mới đến nay, việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách tài chính phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã luôn được Đảng chú trọng. Các chủ trương, định hướng của Đảng đã đề cao vai trò của tài chính trong thực hiện hiệu quả chức năng huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực sản xuất trong xã hội, chuyển tải các nguồn lực tài chính quốc gia phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và quá trình CNH, HĐH nói riêng.

Thực hiện chủ trương đẩy mạnh quá trình CNH, HĐH đất nước, chính sách tài chính có vai trò quan trọng và đóng góp to lớn trong việc huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực phục vụ các mục tiêu CNH, HĐH, bao gồm cả nguồn lực tài chính nhà nước, tài chính doanh nghiệp và tài chính dân cư. Theo đó, các định hướng về huy động nguồn lực, hoàn thiện hệ thống thu ngân sách nhà nước (NSNN) tiếp tục được bổ sung và phát triển<sup>1</sup>, đồng thời yêu cầu về đa dạng hóa nguồn lực từng bước được đặt ra. Cùng với đổi mới về quan điểm đối với vấn đề huy động nguồn lực cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nói chung và nguồn lực phục vụ CNH, HĐH nói riêng, Đảng cũng đã có những sự điều chỉnh khi nhìn nhận về vai trò của chính sách tài chính trong quá trình phân bổ nguồn lực, hướng các nguồn lực vào các ưu tiên chiến lược của nền kinh tế.

Giai đoạn 2001 - 2020, trên cơ sở các chủ trương định hướng của Đảng về CNH, HĐH và vai trò của tài chính trong thực hiện CNH, HĐH, các chính sách tài chính tiếp tục được đổi mới và hoàn thiện. Trong đó, hệ thống chính sách thuế tiếp tục được sửa đổi, bổ sung đồng bộ, phù hợp với các định hướng về CNH, HĐH xác định cho giai đoạn này.

Đồng thời, hệ thống pháp luật về quản lý NSNN tiếp tục được hoàn thiện, thực hiện đổi mới căn bản phương thức quản lý tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công, tăng cường hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý vốn và tài sản nhà nước. Khuôn khổ pháp lý về quản lý NSNN đã phân định rõ về nguồn thu và trách nhiệm chi của các

1 Nghị quyết Trung ương 7, khóa 7: “Quản trịet tinh thần vốn trong nước là quyết định, vốn ngoài nước là quan trọng. Tiếp tục đổi mới các chính sách kinh tế, đặc biệt là chính sách tài chính - tiền tệ để thực hiện tốt việc tạo vốn, huy động và sử dụng vốn có hiệu quả...; nghiên cứu mở rộng quyền hạn và trách nhiệm của ngành, địa phương, cơ sở trong lĩnh vực tạo vốn, huy động vốn, duyệt dự án đầu tư phát triển”.

cấp chính quyền, thẩm quyền của các cơ quan nhà nước trong việc lập, phê chuẩn và quyết toán NSNN. Bên cạnh đó, đã đẩy mạnh việc hoàn thiện khung pháp lý, tạo hành lang thông thoáng và thống nhất cho hoạt động của tất cả các loại hình doanh nghiệp, thực hiện đơn giản hóa chính sách thuế, hiện đại hóa công tác thu thuế, quản lý hải quan thông qua ban hành Luật Quản lý thuế năm 2006 (được sửa đổi, bổ sung năm 2012, 2014) và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về hải quan 2001 (sửa đổi năm 2005, 2014).

Quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách khuyến khích phát triển và quản lý đối với thị trường tài chính và thị trường dịch vụ tài chính được đẩy mạnh. Trong giai đoạn 2001 - 2020, hệ thống các cơ chế, chính sách đẩy mạnh tái cơ cấu và phát triển các thị trường tài chính, được tiếp tục hoàn thiện phù hợp với định hướng CNH, HĐH và phát triển kinh tế - xã hội, tiệm cận gần hơn với chuẩn mực quốc tế. Luật Chứng khoán năm 2006 (sửa đổi năm 2010, 2019), thực hiện sửa đổi, bổ sung Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi năm 2010, 2019) và các văn bản hướng dẫn đã hình thành khung pháp lý đầy đủ, minh bạch và đồng bộ, bảo đảm quá trình giao dịch, vận hành và quản lý thị trường thông suốt, an toàn, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động của các thị trường tài chính, thị trường bảo hiểm, tạo lập kênh huy động vốn trung - dài hạn cho nền kinh tế. Công tác đảm bảo an ninh, an toàn tài chính quốc gia được đảm bảo trên cơ sở tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật có liên quan như ban hành Luật Quản lý nợ công năm 2009 (sửa đổi năm 2017); Luật Quản lý, Sử dụng tài sản nhà nước năm 2008 (sửa đổi năm 2017).

Việc sửa đổi, hoàn thiện hệ thống pháp luật tài chính đã góp phần đa dạng hóa nguồn lực tài chính thúc đẩy CNH, HĐH. Nguồn lực tài chính để thực hiện CNH, HĐH giai đoạn này bao gồm cả nguồn lực tài chính nhà nước, tài chính doanh nghiệp và tài chính dân cư, tập trung vào các trọng tâm: (i) Nguồn lực từ NSNN (thông qua hệ thống chính sách về thuế, phí); (ii) Nguồn lực ngoài ngân sách bao gồm nguồn lực từ khu vực tư nhân, các nhà đầu tư trong và ngoài nước (thông qua thị trường tài chính), nguồn lực kết hợp nhà nước - tư nhân (thông qua chính sách về PPP) và nguồn lực nước ngoài (thông qua chính sách về vay nợ nước ngoài). Thông qua các công cụ về thuế, chi NSNN, tín dụng, thị trường tài chính... tài chính đã thực hiện huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính thúc đẩy CNH, HĐH, qua đó tạo thuận lợi và thúc đẩy các thành phần kinh tế tham gia phát triển kinh tế - xã hội theo hướng CNH, HĐH; thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH; phát triển các tiền đề cho CNH, HĐH; phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn; phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ và nguồn nhân lực cho sự nghiệp CNH, HĐH; phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng CNH, HĐH; thúc đẩy CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Cụ thể:

*Chính sách tài chính đã thực hiện tốt vai trò huy động nguồn lực phục vụ CNH, HĐH. Trong đó:*

(i) Công cuộc cải cách thuế trong giai đoạn này đã góp phần tích cực trong việc vừa đảm bảo nguồn thu cho NSNN, vừa đảm bảo tính bền vững trong cơ cấu huy động nguồn thu.

Quy mô thu NSNN được mở rộng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, thu NSNN từ thuế đã trở thành nguồn thu chủ yếu của NSNN. Tổng thu NSNN năm 2010 tăng 5,67 lần so với năm 2001. So với GDP (theo giá hiện hành), quy mô thu NSNN bình quân giai đoạn 2001 - 2010 là 25,2% GDP và giai đoạn 2011 - 2020 là 24,8% GDP<sup>2</sup>. Cơ cấu thu ngân sách được cải thiện theo hướng bền vững hơn, các khoản thu nội địa chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong tổng thu NSNN. Giai đoạn 2011 - 2020, tỷ trọng thu nội địa đạt 76,7%, riêng năm 2020 là 85,6%, vượt mục tiêu của Chiến lược Tài chính (đến năm 2020 đạt trên 80%) và Nghị quyết số 07-NQ/TW (đến năm 2020 đạt 84 - 85%).

Bên cạnh đó, hệ thống chính sách thuế, phí, lệ phí đã góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành, phát triển các ngành kinh tế ưu tiên theo định hướng CNH, HĐH. Cụ thể, đã đẩy mạnh hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính theo hướng xóa bỏ các bất bình đẳng giữa các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước theo lộ trình thích hợp; thống nhất chế độ chung, tạo mặt bằng pháp lý công khai, minh bạch về tài chính (thuế, giá, kế toán, kiểm toán giữa đầu tư trong nước và ngoài nước); tạo điều kiện thu hút vốn đầu tư trực tiếp trong và ngoài nước. Các sửa đổi, bổ sung các sắc thuế, phí, lệ phí góp phần khuyến khích đầu tư phát triển sản xuất, mở rộng lưu thông hàng hóa, khuyến khích xuất khẩu, thu hút đầu tư nước ngoài; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành, phát triển các ngành kinh tế ưu tiên theo định hướng CNH, HĐH; thúc đẩy

phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, các khu công nghiệp, khu kinh tế.

Vai trò đòn bẩy của chính sách tài chính trong thu hút vốn đầu tư của xã hội để phát triển các ngành, các lĩnh vực ưu tiên đã được chú trọng. Theo đó, đã hình thành được một hệ thống các chính sách ưu đãi về thuế phí, lệ phí đa dạng, đồng bộ, phù hợp với các nguyên tắc của thương mại và thông lệ quốc tế nhằm thu hút vốn, khuyến khích đầu tư theo các lĩnh vực ưu đãi đầu tư theo pháp luật đầu tư (các lĩnh vực công nghệ cao, lĩnh vực nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ, phát triển cơ sở hạ tầng, lĩnh vực sản xuất tạo giá trị gia tăng cao...) với các ưu đãi về thuế TNDN (về thuế suất, kỳ miễn thuế, giảm thuế...), thuế nhập khẩu (miễn, giảm, hoàn thuế...); ưu đãi về thuế sử dụng đất nông nghiệp, phi nông nghiệp... Việc thực hiện các chính sách này đã góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy một số ngành ưu tiên của đất nước theo các mục tiêu, yêu cầu về CNH, HĐH, góp phần mở rộng và gia tăng xuất khẩu.

Do đó, cơ cấu kinh tế vùng bước đầu có những chuyển dịch tích cực, sự hình thành và phát triển của các vùng kinh tế trọng điểm ở ba miền Bắc, Trung, Nam đã trở thành động lực thúc đẩy nền kinh tế cả nước theo hướng chuyên môn hóa, hợp tác và liên kết kinh tế. Các khu công nghiệp và khu kinh tế đã trở thành điểm đến hấp dẫn đối với các nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư nước ngoài. Chính sách phát triển các khu công nghiệp và khu kinh tế đã tạo ra một hệ thống kết cấu hạ tầng tương đối

2 Kết quả thu trên là một sự cố gắng lớn, nhất là trong bối cảnh nền kinh tế nước ta liên tục phải ứng phó với nhiều biến động bất lợi từ bên ngoài như ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008, dịch Covid-19 năm 2020 bùng phát đã tác động nghiêm trọng tới tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong nước, tăng trưởng ở hầu hết các ngành, lĩnh vực đều chậm lại... đã làm suy giảm số thu NSNN và mức thuế suất của nhiều sắc thuế được điều chỉnh giảm dần để khuyến khích đầu tư, sản xuất - kinh doanh và để thực hiện cam kết hội nhập kinh tế quốc tế.

đồng bộ, có giá trị lâu dài và đóng góp không nhỏ vào tăng trưởng ngành sản xuất công nghiệp, nâng cao giá trị xuất khẩu và sức cạnh tranh của nền kinh tế, phát huy được các lợi thế của từng vùng, miền.

(ii) Chính sách phát triển thị trường tài chính hoàn thiện, thúc đẩy thị trường phát triển theo hướng cân bằng giữa thị trường tiền tệ và thị trường vốn, giữa thị trường cổ phiếu và thị trường trái phiếu, giữa thị trường trái phiếu chính phủ (TPCP) và thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN), qua đó thu hút nguồn vốn đầu tư từ các tổ chức, các cá nhân trong và ngoài nước, góp phần thực hiện mục tiêu đa dạng hóa nguồn lực trong thực hiện CNH, HĐH. Trong đó:

Thị trường chứng khoán (TTCK) phát triển ổn định, hoạt động hiệu quả, vận hành an toàn, đảm bảo quyền lợi của các chủ thể tham gia thị trường. Tính đến cuối năm 2020, quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt 84,1% GDP, vượt mục tiêu đề ra tại Chiến lược Tài chính đến năm 2020 (khoảng 70% GDP vào năm 2020), tăng trưởng giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu niêm yết giai đoạn 2011 - 2020 là 29,5%. Năng lực giám sát thị trường được tăng cường, phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm, bảo vệ quyền hợp pháp của các nhà đầu tư.

Thị trường trái phiếu có bước phát triển vượt bậc cả về chiều rộng và chiều sâu. Tính đến cuối năm 2020, quy mô thị trường trái phiếu đạt 47,83% GDP, trong đó quy mô thị trường TPDN đạt 17,08% GDP, vượt các mục tiêu của Chiến lược Tài chính đến năm 2020 và Lộ trình phát triển thị trường trái phiếu giai đoạn 2017 - 2020 (đến năm 2020, quy mô thị trường trái phiếu đạt 45% GDP, quy mô thị trường TPDN đạt 7% GDP).

Thị trường bảo hiểm tiếp tục tăng trưởng với tổng doanh thu ngành bảo hiểm tăng từ 84.506 tỷ đồng năm 2015 (khoảng 2% GDP) lên 220.705 tỷ đồng năm 2020 (khoảng 3,55% GDP). Tổng số tiền đầu tư trở lại nền kinh tế của các doanh nghiệp bảo hiểm năm 2020 đạt 468.563 tỷ đồng, gấp 5,7 lần so với năm 2011, qua đó tạo điều kiện thu hút các nguồn vốn đầu tư vào thị trường bảo hiểm, khơi thông nguồn lực cho thực hiện CNH, HĐH.

(iii) Chính sách huy động nguồn vốn nước ngoài; cơ chế hợp tác công tư đã bám sát đường lối chủ trương của Đảng, Nhà nước về CNH, HĐH, góp phần quan trọng tạo ra nhiều công trình kết cấu hạ tầng hiện đại, thúc đẩy sự phát triển của một số ngành kinh tế mũi nhọn như khai thác dầu khí và chế biến khí, viễn thông, điện lực, hàng không... Trong đó:

Việc huy động, quản lý và sử dụng vốn ODA và vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài gắn với việc cơ cấu lại đầu tư công; bất kỳ khoản vay mới nào cũng cần được xem xét hiệu quả kinh tế, phương án tài chính, đánh giá tác động tới kế hoạch đầu tư trung hạn, các chỉ tiêu nợ công, ngân sách và khả năng trả nợ. Vốn vay nước ngoài được tập trung sử dụng cho một số lĩnh vực chủ chốt để đảm bảo phát huy tối đa hiệu quả kinh tế theo quy mô, các dự án thúc đẩy tăng trưởng gắn với phát triển bền vững, các dự án có khả năng tạo nguồn thu ngoại tệ, các dự án có hiệu ứng lan tỏa (như thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao chất lượng môi trường, giáo dục, y tế, công nghệ...), các dự án hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu không có khả năng thu hồi vốn trực tiếp. Ưu tiên vay về cho vay lại đối với các dự án có khả năng thu hồi vốn trực tiếp.

Trong giai đoạn 2011 - 2020, tổng số vốn ODA và vay ưu đãi đạt 39,165 tỷ USD, đã thực hiện giải ngân 39,337 tỷ USD; Chính phủ đã thực hiện cấp bảo lãnh cho 71 khoản vay của các doanh nghiệp vay vốn ngoài nước với tổng trị giá cấp bảo lãnh khoảng 352,1 nghìn tỷ đồng và đã thực hiện giải ngân 370,7 nghìn tỷ đồng cho cả giai đoạn. Việc huy động và sử dụng vốn vay ODA và vay ưu đãi đã có những đóng góp tích cực cho phát triển cơ sở hạ tầng giao thông, năng lượng, phát triển nông thôn; tăng cường hệ thống y tế, giáo dục; bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu... Bên cạnh đó, nguồn vốn bảo lãnh Chính phủ giúp các doanh nghiệp trong nước chủ động nguồn vốn để đầu tư các công trình giao thông, phát điện, hàng không... là những lĩnh vực kinh tế trọng tâm trong thực hiện CNH, HĐH.

Cùng với việc huy động vốn nước ngoài, pháp luật về huy động nguồn lực tài chính thông qua hình thức hợp tác công - tư (PPP) tiếp tục được hoàn thiện<sup>3</sup>. Hệ thống các văn bản pháp luật về PPP đã tạo ra khung pháp lý với các chính sách hỗ trợ của nhà nước (chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng) để khuyến khích khu vực tư nhân tham gia vào các dự án hạ tầng có quy mô lớn trong thời gian qua<sup>4</sup>.

*Chính sách tài chính đã tập trung nguồn lực cho phát triển các yếu tố tiền đề phục vụ CNH, HĐH như: Đảm bảo chi NSNN cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển khoa học công nghệ, phát triển nguồn nhân lực và phát triển nông nghiệp, nông thôn. Trong đó:*

Chi đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách đã tập trung đầu tư hạ tầng giao thông theo đúng theo tinh thần nghị quyết của Đảng<sup>5</sup>. Nguồn tài chính nhà nước đã bố trí chi đầu tư phát triển từ NSNN (bao gồm nguồn TPCP, xổ số kiến thiết) giai đoạn 2001 - 2005 khoảng 24,3%; giai đoạn 2006 - 2010 là 28,1%; giai đoạn 2011 - 2015 là 29,9%; nếu tính cả đầu tư của khu vực doanh nghiệp nhà nước, thì vốn đầu tư của khu vực nhà nước bình quân chiếm khoảng 39,1% tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2011 - 2015. Giai đoạn 2016 - 2020<sup>6</sup>, thực hiện cơ cấu lại chi NSNN, việc bố trí ngân sách đã tăng dần tỷ trọng dự toán chi đầu tư phát triển (bao gồm tất cả các nguồn TPCP, ODA, vay ưu đãi nước ngoài, tiền sử dụng đất và xổ số kiến thiết) từ mức 25,7% năm 2017 lên mức 26,9% năm 2020. Chi đầu tư phát triển từ NSNN đã phát triển một số công trình giao thông quan trọng, quy mô lớn, làm tăng khả năng kết nối giữa các vùng, miền trong cả nước

3 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư đã được Quốc hội thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 28/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức PPP; Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo hình thức đối tác công - tư.

4 Theo số liệu báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến năm 2018, các bộ, ngành, địa phương đã ký kết, thực hiện tổng cộng 289 dự án PPP với tổng vốn đầu tư 1.293.674 tỷ đồng. Trong đó, các địa phương đã thực hiện 192/289 dự án PPP với tổng vốn đầu tư là 223.455 tỷ đồng; trong đó có 125 dự án BT (chiếm 65,1%) với tổng vốn đầu tư là 125.740 tỷ đồng, 61 dự án BOT (chiếm 31,8%) với tổng vốn đầu tư là 96.001 tỷ đồng, 04 dự án BOO với tổng vốn đầu tư là 592 tỷ đồng, 01 dự án BLT với tổng vốn đầu tư là 423 tỷ đồng, 01 dự án BOT kết hợp BT với tổng vốn đầu tư là 689 tỷ đồng.

5 Giai đoạn 2011 - 2015 chiếm 31,5% so tổng chi đầu tư phát triển; năm 2016 là 35%, tiếp tục tăng lên tới 42% năm 2018 và 44,5% trong năm 2019...

6 Báo cáo số 23/BC-CP ngày 16/7/2021 về tình hình thực hiện kế hoạch tài chính quốc gia, kế hoạch vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng kế hoạch tài chính quốc gia, kế hoạch vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021 - 2025.

và giao thương quốc tế; hạ tầng cung cấp điện cơ bản đáp ứng được yêu cầu phát triển và bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia; hạ tầng thủy lợi góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn và tăng năng lực tưới tiêu; hạ tầng đô thị với các chương trình chống thất thoát, thất thu nước sạch; phát triển hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế...

Chi NSNN cho phát triển hoạt động khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo và tam nông được chú trọng. Trong đó, chi NSNN cho khoa học công nghệ đã cơ bản đảm bảo được mục tiêu của Nghị quyết Trung ương, đạt mức 2% tổng chi NSNN (tương đương 0,5 - 0,6% GDP), qua đó góp phần hiện thực hóa chủ trương của Đảng khoa học công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng thúc đẩy đất nước phát triển nhanh và bền vững. Đối với giáo dục đào tạo, Nhà nước duy trì tỷ lệ chi NSNN cho giáo dục đào tạo tối thiểu ở mức 20% tổng chi ngân sách, trong đó chi thường xuyên cho giáo dục, giáo dục đào tạo ở Trung ương bình quân khoảng 11%, địa phương khoảng 89% của tổng NSNN chi cho giáo dục đào tạo.

Chi NSNN cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân (tam nông) tập trung cho các nhiệm vụ phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp; xây dựng nền nông nghiệp hàng hóa, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm; gắn sản xuất

với tiêu thụ sản phẩm; hướng đến phát triển nông nghiệp bền vững. Bên cạnh đó, việc phân bổ nguồn lực cho tam nông còn được thực hiện thông qua các chính sách như hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn<sup>7</sup>; hỗ trợ giảm tổn thất trong nông nghiệp (NSNN cấp bù phần chênh lệch lãi suất)<sup>8</sup>; chính sách bảo hiểm nông nghiệp (NSNN cấp phần phí hỗ trợ)<sup>9</sup>...

Như vậy, thông qua việc phân bổ nguồn lực cho các yếu tố tiền đề phục vụ CNH, HĐH, chính sách tài chính đã góp phần tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật của đất nước; phát triển tiềm lực khoa học công nghệ; hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng CNH, HĐH; đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn; thúc đẩy hội nhập và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

## **2. Quan điểm, định hướng chính sách tài chính phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

Văn kiện Đại hội Đảng XIII, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030 và định hướng đến năm 2045 đã định hướng cụ thể quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có các mục tiêu về CNH, HĐH đất nước: Phấn đấu đến năm 2030, nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, thuộc nhóm trên của các nước có

7 Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 4/6/2012; Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013; Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

8 Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg ngày 15/10/2010 về chính sách hỗ trợ giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản và Quyết định số 65/2011/QĐ-TTg ngày 02/12/2011 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg; Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp, thay thế các Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg và 65/2011/QĐ-TTg.

9 Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 01/03/2014 về việc thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011 - 2013; Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 về bảo hiểm nông nghiệp; Quyết định số 22/2019/QĐ-TTg ngày 26/6/2019 về thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp; Quyết định số 03/2021/QĐ-TTg ngày 25/01/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 22/2019/QĐ-TTg.

thu nhập trung bình cao; có thể chế quản lý hiện đại, cạnh tranh, hiệu lực, hiệu quả; kinh tế phát triển năng động, nhanh và bền vững... Phân đầu đến năm 2045 trở thành nước phát triển, có thu nhập cao, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đảng ta tiếp tục khẳng định tầm quan trọng của việc đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước; đồng thời, thể hiện rõ, CNH, HĐH phải dựa trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, tận dụng tốt cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 để có sự bứt phá, vượt lên trong một số ngành và lĩnh vực. Xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh, chú trọng cả những ngành công nghiệp nền tảng và những ngành mới, công nghệ cao quyết định sự bứt phá về năng suất, chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế...

Để triển khai các định hướng, mục tiêu CNH, HĐH và phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030 của Đảng, Quốc hội và Chính phủ, đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu huy động vốn cho phục hồi kinh tế - xã hội là rất lớn, Chiến lược Tài chính đến năm 2030<sup>10</sup> xác định quan điểm phát triển nền tài chính quốc gia toàn diện, có vai trò tiên phong trong việc huy động, giải phóng, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước; coi trọng phát triển đồng bộ, hài hòa các loại thị trường, các khu vực kinh tế;... Đồng thời, Chiến lược tài chính cũng xác định “Đổi mới cơ chế, chính sách tài chính cho phát triển nguồn nhân lực, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đẩy mạnh hiện đại hóa, phát triển nền tảng tài chính số trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin gắn với chuyển đổi số. Khơi thông và phát huy tiềm lực tài chính cho phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; ưu tiên nguồn lực để thực hiện

các nhiệm vụ về phục hồi và phát triển kinh tế” là hai trong ba đột phá chiến lược chiến lược tài chính, góp phần quan trọng trong định hướng huy động, phân bổ nguồn lực tài chính phục vụ CNH, HĐH đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

Trên cơ sở chủ trương, định hướng CNH, HĐH tại Đại hội lần thứ XIII của Đảng; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030 và Chiến lược Tài chính đến năm 2030 một số quan điểm và định hướng về chính sách tài chính phục vụ CNH, HĐH trong thời gian tới, cụ thể như sau:

### **2.1. Quan điểm**

Việc hoàn thiện chính sách tài chính phục vụ CNH, HĐH đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 gắn với các quan điểm chủ đạo sau:

Tiếp tục hoàn thiện thể chế tài chính để đẩy mạnh CNH, HĐH trên cơ sở kế thừa và phát triển. Coi trọng yêu cầu nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực phục vụ cho CNH, HĐH; hướng các nguồn lực tới việc thực hiện ưu tiên chiến lược của nền kinh tế theo định hướng CNH, HĐH thông qua cơ chế, chính sách phù hợp.

Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ theo định hướng CNH, HĐH đã đặt ra tại Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030 và định hướng đến năm 2045, trong đó nguồn lực bên trong là cơ bản, lâu dài, quyết định; nguồn lực bên ngoài là quan trọng. Thực hiện giải phóng triệt để các nguồn lực trong nước, đồng thời thu hút hiệu quả và tối đa các nguồn lực ngoài nước cho việc thực hiện các mục

10 Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 21/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.



tiêu, định hướng về CNH, HĐH; đảm bảo tính hợp lý, phù hợp trong chính sách động viên, chính sách phân phối.

Ưu tiên nguồn lực đầu tư cho chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và phát huy vai trò, tiềm năng, thế mạnh kinh tế đô thị, các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị lớn, thúc đẩy liên kết vùng, liên kết đô thị - nông thôn..., tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững.

Đảm bảo sự đồng bộ trong quá trình hoàn thiện các cơ chế, chính sách nói chung và chính sách tài chính nói riêng nhằm thúc đẩy CNH, HĐH; coi trọng yêu cầu về cân đối, bố trí nguồn lực trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện các mục tiêu về CNH, HĐH đất nước.

## **2.2. Định hướng**

Để tiếp tục thực hiện tốt vai trò chủ đạo trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phục vụ CNH, HĐH định hướng hoàn thiện chính sách tài chính, cụ thể như sau:

(i) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách thu NSNN đồng bộ, có cơ cấu bền vững, bảo đảm huy động hợp lý các nguồn lực cho NSNN, góp phần tạo lập môi trường cạnh tranh phù hợp với quá trình hội nhập và phát triển kinh tế, đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực để thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, trong giai đoạn đầu tập trung hỗ trợ doanh nghiệp khắc phục khó khăn phục hồi sản xuất - kinh doanh do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19.

Hoàn thiện hệ thống chính sách thu gắn với cơ cấu lại thu NSNN theo hướng bao quát các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu,

nhất là các nguồn thu mới, phù hợp với thực tiễn, các cam kết hội nhập và thông lệ quốc tế tốt. Nghiên cứu xây dựng mức thuế suất hợp lý, bảo đảm tính công bằng, trung lập của hệ thống chính sách thuế. Tăng tỷ trọng thu nội địa trong tổng thu NSNN, bảo đảm tỷ trọng hợp lý giữa thuế gián thu và thuế trực thu. Rà soát, điều chỉnh chính sách ưu đãi thuế, loại bỏ các ưu đãi thuế không còn phù hợp với yêu cầu phát triển; hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong các sắc thuế, khoản thu. Thực hiện các giải pháp về thuế nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân vượt qua khó khăn do tác động của đại dịch Covid-19, phục hồi và phát triển kinh tế, đảm bảo cân đối tài chính - NSNN.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách thuế khuyến khích phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phù hợp với mục tiêu thúc đẩy phát triển và ứng dụng công nghệ mới, các công nghệ ưu tiên phát triển, xây dựng và phát triển các trung tâm đổi mới, sáng tạo quốc gia.

Hoàn thiện chính sách thu ngân sách đối với đất đai, tài sản, tài nguyên; có cơ chế phù hợp để khai thác nguồn lực từ đất đai cho phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội. Trong đó, tiếp tục thực hiện miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đến hết năm 2025 theo chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Nghiên cứu hoàn thiện chính sách thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo hướng tăng mức điều tiết đối với đất và bổ sung thu thuế đối với nhà nhằm khuyến khích sử dụng nhà, đất có hiệu quả, góp phần hạn chế đầu cơ nhà, đất, đảm bảo đồng viên nguồn thu hợp lý, ổn định cho NSNN, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam và thông lệ quốc tế. Xây dựng chính sách quản lý thuế gắn với

công tác quản lý nhà và đất đai của các bộ, ngành có liên quan. Nghiên cứu điều tiết phần giá trị tăng thêm từ đất mà không do đầu tư của người sử dụng đất mang lại thông qua chính sách thuế, thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất. Nghiên cứu sửa đổi chính sách thuế tài nguyên, đảm bảo chính sách thuế tài nguyên tiếp tục là công cụ hữu hiệu để góp phần quản lý, bảo vệ tài nguyên, khuyến khích sử dụng tài nguyên tiết kiệm, hiệu quả.

(ii) Tiếp tục đồng bộ cơ chế, chính sách thúc đẩy huy động nguồn lực tài chính thông qua thị trường tài chính.

Đối với TTCK: Hoàn thiện khung pháp lý cho phát triển TTCK với phạm vi điều chỉnh rộng hơn, phù hợp với trình độ phát triển của nền kinh tế, tiếp cận với các thông lệ, chuẩn mực quốc tế; mở rộng và kết nối với thị trường khu vực và quốc tế. Hoàn thiện các quy định hướng dẫn về sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài vào các doanh nghiệp niêm yết và các công ty đại chúng trên TTCK; tăng cung hàng hóa và cải thiện chất lượng nguồn cung cho thị trường thông qua việc khuyến khích các loại hình doanh nghiệp thực hiện chào bán (IPO) gắn với niêm yết, đăng ký giao dịch trên TTCK; áp dụng quản trị công ty theo thông lệ quốc tế để nâng cao chất lượng doanh nghiệp niêm yết đồng thời tăng cường kiểm tra, xử lý kịp thời các doanh nghiệp không tuân thủ quy định về niêm yết, đăng ký giao dịch sau khi đã CPH. Nghiên cứu thành lập sàn giao dịch cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

Đối với thị trường trái phiếu: Phát hành đa dạng các kỳ hạn TPCP để đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư, mở rộng sang các sản phẩm các công cụ TPCP ngoại tệ; tập trung phát triển thị trường thứ cấp để tăng thanh khoản của thị trường này; xây dựng đường

cong lãi suất chuẩn TPCP với đầy đủ các kỳ hạn. Thu hút nhà đầu tư nước ngoài đầu tư TPCP thông qua việc đưa TPCP Việt Nam vào rổ trái phiếu quốc tế; chủ động triển khai các nghiệp vụ tái cơ cấu danh mục nợ TPCP thông qua hoán đổi, mua lại để tăng tính bền vững của danh mục nợ TPCP, giảm áp lực trả nợ cho NSNN. Thực hiện các kỹ thuật, nghiệp vụ mới và phát triển sản phẩm mới trên cơ sở đánh giá khả năng áp dụng, nhu cầu của nhà đầu tư và tình hình thị trường; xây dựng và vận hành thị trường thứ cấp TPDN riêng lẻ cho các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp nhằm tăng tính thanh khoản và minh bạch của thị trường, hỗ trợ cơ quan quản lý có đầy đủ thông tin từ phát hành đến giao dịch để phục vụ cho công tác quản lý giám sát. Tiếp tục hoàn thiện, phát triển thị trường TPDN phát hành ra công chúng, niêm yết và giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán; nâng cấp chuyên trang thông tin về TPDN tại Sở giao dịch chứng khoán. Thúc đẩy việc sử dụng xếp hạng tín nhiệm khi huy động vốn qua phát hành TPDN. Phát triển các sản phẩm TPDN dự án PPP, trái phiếu dự án để thúc đẩy thị trường vốn cho phát triển cơ sở hạ tầng.

Đối với thị trường bảo hiểm: Hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh doanh bảo hiểm, quản lý thị trường bảo hiểm trên cơ sở rui ro, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế; hoàn thiện phương thức quản lý nhà nước theo hướng đơn giản hóa các thủ tục hành chính, tăng cường công tác hậu kiểm thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, tăng cường kết nối với các cơ quan quản lý, hội nhập, hợp tác quốc tế; đa dạng các dòng sản phẩm mới, đáp ứng tốt hơn nhu cầu đa dạng của các tổ chức, cá nhân. Đồng thời, Nhà nước có cơ chế chính sách để phát triển các sản phẩm có ý nghĩa cộng đồng và an sinh xã

hội cao; đa dạng hóa phương thức và phát triển các sản phẩm bảo hiểm phù hợp với xu thế kinh doanh gắn liền với công nghệ đi kèm các biện pháp đảm bảo an toàn, thận trọng cho doanh nghiệp bảo hiểm, phòng ngừa và kiểm soát rủi ro tương ứng; phát triển đa dạng các kênh phân phối nhằm đưa bảo hiểm đến mọi người dân và đẩy mạnh phát triển hoạt động kinh doanh bảo hiểm theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, phục vụ tốt nhất bên mua bảo hiểm; nâng cấp cơ sở hạ tầng, hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng việc chuyển đổi mô hình quản lý bảo hiểm theo hướng hiện đại hóa, tăng cường kết nối giữa Nhà nước - doanh nghiệp bảo hiểm và người dân tham gia bảo hiểm.

(iii) Tập trung hoàn thành sớm mục tiêu cơ cấu lại đầu tư công và NSNN, góp phần phục vụ tốt hơn sự nghiệp CNH, HĐH.

Nghiên cứu sửa đổi Luật NSNN, Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan; đổi mới phân cấp NSNN theo hướng bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, tăng tính chủ động của ngân sách địa phương, cơ bản khắc phục tình trạng lỏng ghép trong quản lý NSNN, phù hợp với trình độ phát triển của nền kinh tế.

Tiếp tục cơ cấu lại chi NSNN theo hướng bền vững, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, hỗ trợ thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Sử dụng hiệu quả chính sách mua sắm công để thúc đẩy chuyển đổi số, an toàn thông tin, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ. Tiếp tục cơ cấu lại nợ công theo hướng bền vững, bảo đảm an toàn nợ công, vay trong khả năng trả nợ của NSNN, phù hợp với khả năng vay và mức độ hấp thụ vốn vay, duy trì,

cùng cố dư địa tài khóa để ứng phó với những rủi ro phát sinh.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả cơ cấu lại đầu tư công, nâng cao chất lượng thể chế quản lý đầu tư công; tăng cường năng lực hấp thụ vốn của nền kinh tế. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, bảo đảm quản lý thống nhất, hiệu lực, hiệu quả; phát huy tính chủ động, sáng tạo, trách nhiệm của từng cấp, từng ngành. Lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư nhân để tạo đột phá thu hút nguồn vốn đầu tư trong xã hội; tập trung vốn vào các ngành, lĩnh vực then chốt, các công trình, dự án trọng điểm, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn lực tài chính ngân sách cho đầu tư phát triển. Tập trung xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; ưu tiên phát triển một số công trình trọng điểm quốc gia về giao thông, thích ứng với biến đổi khí hậu; chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số.

(iv) Đổi mới cơ chế quản lý và sử dụng NSNN; đẩy mạnh thu hút nguồn lực ngoài NSNN cho phát triển khoa học công nghệ.

Ngân sách nhà nước dành cho khoa học công nghệ tập trung đầu tư vào các lĩnh vực trọng điểm được xác định trong Chiến lược phát triển khoa học công nghệ, các lĩnh vực nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu chiến lược, chính sách và những lĩnh vực công ích do Nhà nước quy định; thực hiện cơ cấu lại NSNN đầu tư cho khoa học công nghệ theo định hướng của Ban Bí thư tại Kết luận số 50-KL/TW. Tăng cường đầu tư NSNN cho việc xây dựng một số tổ chức nghiên cứu và phát triển đạt trình độ hiện đại, tiên tiến, nhất là các tổ chức khoa học công nghệ đầu ngành có tiềm năng để thúc đẩy quá trình hội nhập với khu vực và thế giới.

Rà soát, lồng ghép nội dung các Chương trình khoa học công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 theo đúng chỉ đạo, định hướng của Ban Bí thư tại Kết luận số 50-KL/TW, thực hiện tái cơ cấu, giảm bớt số lượng các chương trình, đề tài, nhiệm vụ khoa học công nghệ có nội dung gần nhau và chỉ phê duyệt triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ mới khi có nguồn kinh phí đảm bảo, không thực hiện bố trí kinh phí cho các chương trình chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhằm sử dụng kinh phí có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, đảm bảo khả năng cân đối nguồn lực.

Xây dựng cơ chế gắn kết giữa nguồn kinh phí NSNN dành cho nghiên cứu khoa học công nghệ với nguồn kinh phí để ứng dụng, sản xuất, thương mại hóa sản phẩm. Ưu tiên cho nghiên cứu ứng dụng, phục vụ nâng cao năng suất chất lượng, tăng hiệu quả và cạnh tranh.

## Tài liệu tham khảo

### Tiếng Việt

1. Bộ Công Thương (2021), *Dự thảo Báo cáo Đánh giá thực trạng thi hành chính sách pháp luật và thực trạng phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo (Dự án Luật Phát triển công nghiệp)*.
2. Bộ Tài chính (2022), *Báo cáo chính sách tài chính thúc CNH, HĐH hiện đại hóa giai đoạn 2001 - 2020 và đề xuất khuyến nghị cho giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.

Đẩy mạnh thực hiện cơ chế đặt hàng, đấu thầu thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ và cơ chế khoán kinh phí đến sản phẩm khoa học công nghệ cuối cùng theo kết quả đầu ra thông qua quy trình lựa chọn khách quan, phù hợp với từng loại hình hoạt động khoa học công nghệ.

Thu hút nguồn lực ngoài NSNN cho phát triển khoa học công nghệ thông qua việc đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế tự chủ, xã hội hóa; đổi mới mô hình tổ chức, hoạt động của các quỹ khoa học công nghệ quốc gia để thu hút thêm nguồn lực ngoài NSNN cho phát triển khoa học công nghệ, nhất là nguồn lực đầu tư từ các doanh nghiệp cho đổi mới, phát triển công nghệ; xây dựng cơ chế tăng cường liên kết giữa các tổ chức khoa học công nghệ với các trường đại học và doanh nghiệp để gắn kết nghiên cứu khoa học với hoạt động đào tạo tạo điều kiện thúc đẩy quá trình thương mại hóa ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất - kinh doanh

3. Trương Bá Tuấn (2014), *Chính sách tài chính đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước giai đoạn 1986 - 2016*, Đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ cấp cơ sở Viện Chiến lược và Chính sách tài chính.

### Tiếng Anh

4. African Development Bank (2017), *Industrialize Africa: Strategies, Policies, Institutions and Financing*.